

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2021/HS-PT**
Ngày 26/01/2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Phan Vĩnh Chuyên**

Các Thẩm phán: Ông **Trần Minh Long**

Ông **Ngô Hà Nam**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Na** - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông **Lương Hồng Minh** - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 198/2020/TLPT-HS ngày 22 tháng 12 năm 2020 đối với bị cáo Phan Đình H do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng.

Bị cáo có kháng cáo: **Phan Đình H**, sinh ngày 02/01/1999 tại Quảng Ngãi. Nơi cư trú: Thôn P, xã Đ, huyện M, tỉnh Quảng Ngãi; Nghề nghiệp: Lao động phổ thông; Trình độ học vấn: 9/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Đình T (Th) và bà Lê Thị L (*Đều còn sống*); Chưa có vợ, con; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam ngày 02/7/2020; có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 21 giờ ngày 02/7/2020, Phòng Cảnh sát điều tra về tội phạm ma túy Công an thành phố Đà Nẵng đã kiểm tra và bắt quả tang Trần Văn N và Phan Đình H

đang có hành vi tàng trữ trái phép chất ma túy nên đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang.

Quá trình điều tra xác định: Vào lúc 15 giờ 00 phút ngày 02/7/2020, Phan Đình H và Trần Văn N rủ nhau cùng ra Đà Nẵng mua ma túy về sử dụng. N và H thống nhất mỗi người góp 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) để mua ma túy và thuê xe ô tô để đi. N liên hệ với một người quen biết ngoài xã hội tên L (*Hiện không xác định được nhân thân lai lịch cụ thể*) hỏi người bán ma túy ở Đà Nẵng thì L cho số điện thoại của người bán ma túy tên là T với số thuê bao 0763644441, N điện thoại cho người tên T hỏi mua 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) ma túy thì T đồng ý bán và hẹn giao dịch tại TP.Đà Nẵng. Lúc này, H rủ thêm bạn gái là Trần Thị Thanh Tr cùng đi thuê xe ô tô BKS 76A-119.38 và nói với Tr là đi TP.Đà Nẵng chơi. Khi thuê được xe ô tô xong thì H điều khiển chở Nam và Tr ra TP.Đà Nẵng. Trên đường đi, H đưa cho N 3.500.000 đồng (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) để góp tiền mua ma túy như đã thỏa thuận. Khi cả 03 đến địa phận TP.Đà Nẵng, N liên hệ người tên T để mua ma túy thì được T hẹn đến quán café trên đường B thuộc phường M, quận N, TP. Đà Nẵng. Tại quán café, N đưa cho T 7.000.000 đồng (*Bảy triệu đồng*) thì T hẹn giao ma túy tại đường V, đoạn gần cầu Rồng, TP.Đà Nẵng.

Đến khoảng 18 giờ 30 phút cùng ngày H điều khiển xe ô tô chở N và Tr đến khu vực gần cầu Rồng để nhận ma túy từ T, đến nơi thì Tr xuống xe mua 02 ly chè trái cây. Một lúc sau, có hai người đàn ông đi xe mô tô (*Hiện không xác định được biển kiểm soát và lai lịch*) đến đưa cho H một gói ma túy, H đưa gói ma túy này lại cho N cất giấu ở cửa ô tô phía sau bên phải rồi điều khiển xe ô tô chở N và Tr về lại Quảng Ngãi.

Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày, khi H điều khiển xe chạy đến đoạn trước Trạm Cảnh sát giao thông Cửa Ô thuộc xã Hòa Nhơn, huyện Hòa Vang, TP. Đà Nẵng thì bị lực lượng Phòng Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an TP. Đà Nẵng phối hợp với Trạm Cảnh sát giao thông Cửa Ô Hòa Nhơn tiến hành dừng xe kiểm tra. Khi bắt đầu dừng xe lại để kiểm tra thì N ngồi ghế sau của ô tô liền lấy gói ma túy ra đổ vào ly chè bằng nhựa có chứa chất lỏng bên trong nhưng đã bị phát hiện bắt quả tang như đã nêu trên.

Vật chứng thu giữ gồm: 01(một) gói ni long màu trắng, kích thước (7 x 11) cm, bên trong có chứa chất tinh thể màu trắng (*Ký hiệu A*)

- 01(một) chai nhựa có đường kính khoảng 4,5 cm, cao khoảng 19 cm, bên trong có chứa chất lỏng và hạt (*Ký hiệu B*) và một số vật chứng khác.

Tại Bản kết luận giám định số: 711 ngày 10/7/2020 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an TP.Đà Nẵng kết luận:

Chất tinh thể màu trắng trong bịch nilong (ký hiệu A) là chất ma túy, loại Methamphetamine, khối lượng mẫu là 3,42 gam.

Chất lỏng màu vàng (có lẫn các hạt màu vàng, đỏ, trắng) trong chai nhựa niêm phong (ký hiệu B) là chất ma túy, loại Methamphetamine. Thể tích mẫu là 240 ml, nồng độ Methamphetamine là 45,24 mg/ml. Vậy khối lượng ma túy Methamphetamine trong (mẫu B) được tính là $45,24 \times 240 = 10.857,6 \text{ mg} = 10,85 \text{ gam}$. Tổng khối lượng ma túy Methamphetamine của (mẫu A và B) là 14,27 gam.

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Phan Đình H phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”

Về hình phạt: Căn cứ điểm g khoản 2, khoản 5 Điều 249; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017)

Xử phạt: Bị cáo Phan Đình H 07 (bảy) năm tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 02/7/2020 và phạt bổ sung số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Bản án sơ thẩm còn quyết định về hình phạt của bị cáo Trần Văn N, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Ngày 22/11/2020, bị cáo Phan Đình H có đơn kháng cáo với nội dung: Án sơ thẩm xử nặng, xin được xem xét theo trình tự phúc thẩm để xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên tòa, bị cáo Phan Đình H giữ nguyên nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét về nhân thân, điều kiện hoàn cảnh gia đình của bị cáo để xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo có thời gian cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa có quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

+ *Về thủ tục:* Đơn kháng cáo của bị cáo Phan Đình H trong hạn luật định, nên đảm bảo hợp lệ.

+ *Về nội dung:* Bản án hình sự sơ thẩm số: 57/2020/HS-ST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng đã xét xử bị cáo Phan Đình H về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” theo điểm g khoản 2 Điều 249 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật. Xét mức hình phạt 07 (bảy) năm tù mà Tòa cấp sơ thẩm đã xử phạt đối với bị cáo là phù hợp, không nặng. Mặc dù, sau khi xét xử sơ thẩm gia đình bị cáo có bổ sung thêm về tài liệu, chứng cứ gia đình bị cáo có ông ngoại là người có công với nước, đây là tình tiết mới quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS phát sinh tại cấp phúc thẩm đề nghị HĐXX áp dụng cho bị cáo. Tuy nhiên, tình

tiết này cũng không làm thay đổi về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã xử phạt bị cáo; Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 BLTTHS không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Phan Đình H khai nhận: Ngày 02/7/2020 bị cáo cùng với bị cáo Trần Văn N thống nhất mỗi người góp 3.500.000đ (*Ba triệu năm trăm ngàn đồng*) thuê xe ô tô ra Đà Nẵng để mua ma túy mang về Quảng Ngãi sử dụng, sau khi bị cáo nhận được 01 (*một*) gói ma túy của đối tượng tên T (*không rõ nhân thân lai lịch*) tại khu vực gần cầu rồng thì bị cáo đưa cho bị cáo N cất giấu ở cửa ô tô phía sau bên phải rồi điều khiển xe ô tô về lại Quảng Ngãi. Đến khoảng 20 giờ 50 phút cùng ngày khi bị cáo điều khiển xe ô tô đến đoạn trước Trạm Cảnh sát giao thông Cửa Ô thuộc huyện Hòa Vang thì bị lực lượng Công an thành phố Đà Nẵng phối hợp với Trạm Cảnh sát giao thông tiến hành dừng xe kiểm tra phát hiện bắt quả tang thu giữ vật chứng là ma túy. Theo kết luận giám định thì số lượng ma túy loại Methamphetamine bị cáo cùng với bị cáo N mua nhằm mục đích để sử dụng có tổng khối lượng là 14,27 gam. Vì vậy, bị cáo thừa nhận Bản án hình sự sơ thẩm số 57/2020/HSST ngày 12/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng xét xử bị cáo cùng với bị cáo về tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*” theo tình tiết định khung quy định tại điểm g khoản 2 Điều 249 BLHS là đúng người, đúng tội, đúng pháp luật. Tuy nhiên, bị cáo cho rằng mức hình phạt 07 (bảy) năm tù mà Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt đối với bị cáo là quá nặng. Do đó, bị cáo xin HĐXX xem xét về nhân thân, cũng như gia đình bị cáo có ông Ngoại là người có công với cách mạng chưa được cấp sơ thẩm xem xét để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt, để bị cáo có thời gian học tập, cải tạo tốt sớm được đoàn tụ với gia đình.

[2]. Xét nội dung đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo thì thấy: Hành vi phạm tội của bị cáo thuộc trường hợp nghiêm trọng, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý các chất ma túy của Nhà nước, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương; Vì vậy, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng hình phạt tù cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục, răn đe bị cáo và phòng ngừa chung là cần thiết.

[2.2] Xét Tòa án cấp sơ thẩm khi quyết định hình phạt đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, qua đó xử phạt bị cáo 07 (*bảy*) tù là phù hợp, không nặng. Mặc dù, tại giai đoạn xét xử phúc thẩm gia đình bị

cáo có bổ sung thêm tình tiết gia đình bị cáo có ông ngoại là người có công với nước, tuy đây là tình tiết mới phát sinh theo quy định tại khoản 2 Điều 51 BLHS mà Tòa án cấp sơ thẩm chưa áp dụng khi quyết định hình phạt. Song Hội đồng xét xử xét thấy tình tiết này cũng không làm thay đổi về mức hình phạt mà Tòa án cấp sơ thẩm đã áp dụng. Do đó, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tại phiên tòa là phù hợp.

[3]. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[4]. Bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Phan Đình H, giữ nguyên Bản án sơ thẩm.

2. Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2017).

Xử phạt: Phan Đình H: 07 (bảy) năm tù về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Thời gian chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị bắt tạm giam, ngày 02/7/2020.

3. Về án phí: Bị cáo Phan Đình H phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí hình sự phúc thẩm.

4. Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND thành phố Đà Nẵng;
- Vụ giám đốc kiểm tra 1;
- VKSND huyện Hòa Vang;
- Công an huyện Hòa Vang;
- PV27; PC81 Công an TP. Đà Nẵng;
- TAND huyện Hòa Vang;
- THA DS huyện Hòa Vang;
- Sở Tư pháp TPĐN;
- Bị cáo; Lưu: HS; HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Vĩnh Chuyên